

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/HC-ST

Ngày: 12/6/2024

V/v “Khiếu kiện Quyết định
hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đàm Thị Thanh Thủy

2. Ông Vũ Xuân Kiều

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tô Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cúc Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 104/2023/TLST-HC ngày 08 tháng 11 năm 2023 về “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34A/2024/QĐXXST-HC ngày 24/5/2023, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** bà Hoàng Thị H.

Nơi cư trú: thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo uỷ quyền: anh Nguyễn Mạnh H1; nơi cư trú: tổ A, khu B, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (theo văn bản uỷ quyền ngày 01/8/2023); có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Vi Quốc P – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (theo văn bản uỷ quyền ngày 16/01/2024); có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Lương Ngọc T – Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện T; có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Văn H2 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh (theo văn bản uỷ quyền ngày 16/01/2024); có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Hà Văn T1 và bà Lê Thị Hoàng

Cùng nơi cư trú tại: thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; ông T1 và bà H3 có mặt tại phiên tòa

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Hà Văn H4; địa chỉ: thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày: trước năm 1993 bà Hoàng Thị H và chồng là ông Hà Văn C1 (đã chết năm 2009) được ông Hà Đình D và bà Nguyễn Thị T2 (bố mẹ đẻ của ông C1) cho 01 thửa ruộng tại thôn L, xã Đ, huyện T để làm nông nghiệp. Đến năm 1993 xã Đ lấy lại thửa ruộng trên để chia lại diện tích cho gia đình bà, từ đó đến nay gia đình bà vẫn trồng trọt trên thửa đất ruộng đó. Năm 2012, ông Hà Văn T1 (em trai ông C1) đã mang đất, đá đổ xuống thửa đất mà gia đình bà đang trồng trọt để đòi xây dựng và sử dụng trên thửa đất. Đến năm 2023, ông T1 lại mang máy phát cỏ xuống phát hết cây cối mà bà H đang trồng, vì vậy bà H5 đã làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Đ hoà giải tranh chấp đất đai giữa bà và gia đình ông Hà Văn T1, kết quả hoà giải không thành. Trong quá trình giải quyết tranh chấp đất đai với ông T1, bà H mới được biết vào năm 2019 UBND huyện T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) đối với diện tích đất ruộng nêu trên cho ông Hà Văn T1, bà Lê Thị H6, việc này đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H vì gia đình bà vẫn đang quản lý, sử dụng thửa đất. Do đó, bà H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh tuyên hủy một phần GCNQSDĐ số CH 475756, số vào sổ CH 01547 do UBND huyện T cấp ngày 23/01/2020 đối với thửa đất số 77 tờ bản đồ số 86 với diện tích được cấp là 523,9m² đất nông nghiệp (LNK).

Tại văn bản ý kiến và bản tự khai, cũng như các tài liệu có trong hồ sơ, đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện có quan điểm:

Về quy trình cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 77 tờ bản đồ số 86 cho gia đình ông Hà Văn T1 và bà Lê Thị H6: ngày 26/12/2018, gia đình ông T1, bà H6 nộp hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ. Thành phần hồ sơ gồm: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, danh sách thửa đất xin cấp và các giấy tờ liên quan. Sau khi kiểm tra hồ sơ, thực hiện lấy ý kiến khu dân cư; thực hiện niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã Đ, nhà văn hóa thôn L thấy thửa đất có nguồn gốc do gia đình khai hoang sử dụng từ năm 1997 và sử dụng ổn định cho đến nay không có tranh chấp. Ngày 09/1/2019 UBND xã Đ ban hành tờ trình số 04/TTr-UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp. UBND xã Đ đã phối hợp cùng Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T tiến hành kiểm tra xác minh hiện trạng thực địa khu đất xin cấp mới của gia đình ông T1, bà H6. Qua kiểm tra diện tích xin cấp GCNQSD đất nông nghiệp là đúng hiện trạng sử dụng. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Phòng Tài nguyên môi trường huyện đã thực hiện theo quy trình, tham mưu UBND huyện và ngày 23/01/2019 UBND huyện T ban hành Quyết định số 351/QĐ-UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất và cấp GCNQSDĐ số phát hành CH 475756 cho ông Hà Văn T1, bà Lê Thị H6 trong đó có thửa đất số 77 tờ bản đồ số 86 với diện tích là 523,9 m² LNK.

Như vậy, việc cấp GCNQSDĐ cho ông Hà Văn T1 và bà Lê Thị H6 đảm bảo theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày

15/5/2014 của Chính phủ nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - UBND xã Đ có quan điểm:

Sau khi nhận hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ của ông T1 bà H6, UBND xã Đ đã phối hợp cùng Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T tiến hành kiểm tra xác minh hiện trạng thực địa khu đất xin cấp mới của gia đình. Qua kiểm tra diện tích xin cấp GCNQSDĐ đất nông nghiệp là đúng hiện trạng sử dụng. UBND xã Đ đã tiến hành lấy ý kiến khu dân cư, niêm yết công khai hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ của hộ gia đình ông Hà Văn T1, đã xác minh làm rõ về nguồn gốc thửa đất là do gia đình khai hoang, sử dụng từ năm 1997 và sử dụng ổn định cho đến nay không có tranh chấp. UBND xã Đ đã ban hành tờ trình số 04/TTr-UBND ngày 09/01/2019 về việc công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp. Như vậy, quy trình thực hiện việc cấp GCNQSDĐ cho ông T1 bà H6 của UBND huyện T là đảm bảo đúng quy định của pháp luật, yêu cầu khởi kiện của bà H là không có căn cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Hà Văn T1, bà Lê Thị H6 có quan điểm: thửa đất số 77 tờ bản đồ số 86 trước đây là đất hoang sau đó bố mẹ ông có sử dụng trồng cây một ít cây nông nghiệp. Được một thời gian thì bố mẹ ông cũng không sử dụng và bỏ hoang. Đến trước năm 1977 gia đình ông đã quản lý, sử dụng để trồng các loại cây nông nghiệp và hiện giờ thì đang trồng keo. Ngày 23/01/2019 UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số CH 475756, số vào sổ CH 01547 mang tên Hà Văn T1 và Lê Thị H6 trong đó có thửa đất này. Sau khi được cấp giấy, gia đình ông sử dụng ổn định, không tranh chấp và vẫn tiếp tục canh tác đến nay. Quá trình canh tác gia đình luôn quản lý và giữ gìn không cho những hộ xung quanh xây dựng lấn chiếm, hàng năm đắp bờ, phát quang bụi rậm, cải tạo đất để trồng cây. Năm 2023, bà H có Đơn kiến nghị gửi UB xã yêu cầu vợ chồng ông trả lại đất, tuy nhiên thửa đất trên đã được vợ chồng ông sử dụng ổn định và được cấp GCNQSDĐ đúng quy định của pháp luật, vì vậy ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, các đương sự và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về pháp luật tố tụng:*

Tháng 01 năm 2023, bà H làm đơn gửi UBND xã Đ đề nghị giải quyết tranh

chấp đất đai giữa bà và ông Hà Văn T1 vì lí do ông T1 mang máy phát cỏ phát hết cây cối bà đang trồng trên thửa đất số 77, tờ bản đồ số 86 mà gia đình bà đang quản lý, sử dụng. Qua hòa giải, bà H được biết thửa đất trên đã được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ mang tên ông Hà Văn T1, bà Lê Thị H6. Ngày 06/3/2023, Tổ hoà giải thôn L đã tổ chức hoà giải việc tranh chấp đất đai giữa bà H và ông T1, kết quả hoà giải không thành. Ngày 16/6/2023 bà Hoàng Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy một phần GCNQSDĐ số CH 475756, sổ vào sổ CH 01547 do UBND huyện T cấp ngày 23/01/2020 mang tên ông Hà Văn T1 và bà Lê Thị H6. Đây là Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, còn trong thời hiệu khởi kiện vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; Điều 32 và Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

Đối với Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 về việc công nhận quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp của UBND huyện T tuy không phải là quyết định hành chính bị kiện nhưng là quyết định hành chính có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của đương sự nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét đánh giá tính hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Xem xét tính hợp pháp của GCNQSDĐ số CH 475756, sổ vào sổ CH 01547 mang tên ông Hà Văn T1 và bà Lê Thị H6 do UBND huyện T cấp ngày 23/01/2019 và Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 công nhận quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp của UBND huyện T

[2.1] Về thẩm quyền ban hành: căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 105 Luật đất đai năm 2013, UBND huyện T ban hành quyết định công nhận quyền sử dụng đất và cấp GCNQSDĐ cho ông Hà Văn T1, bà Lê Thị H6 là đúng thẩm quyền.

[2.2] Về hình thức: Quyết định 351/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của UBND huyện T bảo đảm thể thức của Quyết định hành chính; GCNQSDĐ số CH 475756, sổ vào sổ CH 01547 mang tên ông Hà Văn T1 và bà Lê Thị H6 do UBND huyện T cấp ngày 23/01/2019 đúng mẫu quy định tại Quyết định số 08/2006/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2006 của Bộ T4

[2.3] Về trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ

Ngày 09/01/2019, UBND xã Đ có tờ trình số 04/TTr-UBND về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông Hà Văn T1 tại thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 18/01/2019, Phòng Tài nguyên môi trường huyện T ban hành Tờ trình số 50/TTr-TNMT về việc công nhận quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho ông Lê Văn T3, bà Lê Thị H6.

Ngày 23/01/2019, UBND huyện T ban hành Quyết định số 351/QĐ-UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho ông Hà Văn T1, bà Lê Thị Hoàng t tại thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh và cấp GCNSĐĐ số CH 475756, sổ vào sổ CH 01547 mang tên ông Hà Văn T1 và bà Lê Thị H6 với diện tích là 1.417,8m² (trong đó: 300,4m² đất BHK; 523,9m² đất LNK; 472,9m² đất LUC; 165,6m² đất LUK)

Như vậy, Quyết định số 351/QĐ-UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất,

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho ông Hà Văn T1, bà Lê Thị H6 và GCNSĐĐ số CH 475756, sổ vào sổ CH 01547 mang tên ông Hà Văn T1 và bà Lê Thị H6 của UBND huyện T được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền.

[2.4] Về việc cấp GCNSĐĐ số CH 475756, sổ vào sổ CH 01547 mang tên ông Hà Văn T1 và bà Lê Thị H6 đối với thửa đất số 77 tờ bản đồ số 86:

Về nguồn gốc quá trình sử dụng đất: tại Đơn đề nghị của ông Hà Văn T1, Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 26/12/2018 của khu dân cư thôn L, xã Đ, huyện T đều thể hiện thửa đất số 77 tờ bản đồ số 86 tại địa chỉ thôn L, xã Đ, huyện T có nguồn gốc là do gia đình ông T1 khai hoang sử dụng từ năm 1997 và sử dụng ổn định cho đến nay không có tranh chấp. Các tài liệu này phù hợp với Bản đồ địa chính năm 2013 của UBND xã Đ, Biên bản họp gia đình ngày 01/10/2012 với nội dung thể hiện gia đình họp bàn thống nhất để lại cho ông Hà Văn T1 thửa ruộng trước nhà bụi tre có chữ kí của các anh chị em trong gia đình là ông Hà Văn T1, bà Hoàng Thị H, Hà Thị L, Hà Thị C2, Hà Thị H7, Hà Thị Đ và Hà Thị H8, kèm theo Biên bản xác minh của UB xã Đ được các ông Hà Văn V, bà Hà Thị Đ, Hà Thị C2 xác nhận đúng là chữ kí của họ và đúng nội dung sự việc. Quá trình thực hiện trình tự cấp đất, ngày 26/12/2018, UBND xã Đ đã tiến hành niêm yết công khai hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ của hộ gia đình ông Hà Văn T1. Ngày 09/01/2019 UBND xã Đ lập biên bản kết thúc niêm yết công khai với nội dung: trong thời gian niêm yết 15 ngày UBND xã không nhận được ý kiến phản hồi nào về hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ của hộ gia đình ông Hà Văn T1. Như vậy, khẳng định gia đình ông T1 người sử dụng thửa đất từ năm 1997 và sử dụng ổn định cho đến nay.

Bà H8 cho rằng thửa đất là do ông Hà Đình D và bà Nguyễn Thị T2 là bố mẹ chồng của bà tặng cho bà và bà là người trực tiếp quản lý, sử dụng, đến năm 2002 UBND xã đo và chia lại diện tích đất thì thửa đất số 77 được đo và giao cho gia đình bà và nộp cho Tòa án Biên bản xác nhận của các hộ dân cư do bà tự thu thập có nội dung các hộ dân sinh sống gần thửa đất nêu trên nếu biết rõ về nguồn gốc như bà H8 trình bày thì kí xác nhận phía dưới. Tuy nhiên tài liệu này không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và bà H8 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh nên không có căn cứ xem xét.

Về điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: ông T1, bà H6 có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã Đ, là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp; thửa đất số 77 tờ bản đồ số 86 chưa được cấp giấy và không nằm trong đất thâu khoán hay đất thuê của hợp tác xã; tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình ông T1 đang sử dụng chưa vượt hạn mức theo quy định nên thửa đất này của hộ ông T1 đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ.

Như vậy, việc UBND huyện T cấp GCNQSDĐ cho ông T1 và bà H6 đối với thửa đất số 77 tờ bản đồ số 86 là đúng đối tượng sử dụng đất và đúng quy định của Luật Đất đai.

Với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà Hoàng Thị

H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, tuy nhiên bà H là người cao tuổi, đã có đơn đề nghị miễn án phí nên miễn án phí cho bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H về việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 475756, sổ vào sổ CH 01547 do UBND huyện T cấp ngày 23/01/2019 mang tên ông Hà Văn T1 và bà Lê Thị H6 đối với thửa đất số 77 tờ bản đồ số 86 với diện tích được cấp là 523,9m².

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính sơ thẩm đối với bà Hoàng Thị H

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hương Giang